TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 241/2025/DS-PT
Ngày 26 – 8 - 2025
V/v tranh chấp *"Thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Bà Đào Nữ Ngọc Lan, bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Hưng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15A/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã TB, tỉnh An Giang (Nay là Tòa án khu vực 14 – An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2025/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025; Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 246/2025/QĐPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; CCCD số: 089184001223; nơi cư trú: tổ 01, ấp Đây Cà H, xã An C, tỉnh AG (ĐT: 0932.977.590) (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hữu U, sinh năm 1996; CCCD số: 089096009184 (là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 09/01/2024); địa chỉ liên hệ: đường Tôn Đức Thắng, phường CĐ, tỉnh AG (ĐT: 0932.977.590) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976; CCCD số: 089076019831; nơi cư trú: tổ 09, ấp Soài Chếk, xã AC, tỉnh AG (ĐT: 0376.709.114) (có đơn xin vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; CCCD số: 089079019055 (ĐT: 0939.454.866) (có mặt)

2.3. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1981; CCCD số: 089181024895 (ĐT: 0395.889.647) (có mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ 08, ấp Vĩnh L, xã AC, tỉnh AG

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng công chứng Lê Trung H; địa chỉ trụ sở: tổ 03, HNg, khóm X H, phường TB, tỉnh AG (vắng mặt)

3.2. Anh Nguyễn Trí Th, sinh năm 2003; CCCD số: 089203005412; nơi cư trú: 063 tổ 08, ấp VL, xã AC, tỉnh AG (ĐT: 0368.201.272) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, do ôngTrần Hữu Ý làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây cha, mẹ bà T là cụ Nguyễn Văn Q (sinh năm 1948, chết ngày 24/11/2021) và cụ Lê Thị Ch (sinh năm 1949, chết ngày 21/09/2022) sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn, sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976; Nguyễn Văn S, sinh năm: 1979; Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1981; Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Quá trình chung sống hai cụ có tạo lập được khối tài sản chung tổng diện tích đất 28.859,9 m^2 đất bao gồm:

- Thửa đất số: 522, tờ bản đồ số: 42, diện tích: 7.306 m^2 loại đất Ln, tọa lạc tại xã Văn Giáo, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 717516, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02208 do UBND huyện TB cấp ngày 24/4/2015)

- Thửa đất số: 81, tờ bản đồ số: 24; diện tích 875,9m^2 (đo đạc thực tế 885,7 m^2); tọa lạc tại ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0510cK do UBND huyện TB cấp ngày 19/9/2005)

- Thửa đất số: 271, tờ bản đồ số: 37; diện tích 20.678 m^2, tọa lạc tại xã Nhơn H, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh AG cấp ngày 10/5/2019)

Sau khi cụ Quang chết không để lại di chúc, cụ Ch và bà T quản lý toàn bộ khối tài sản trên.

Ngày 27/12/2021, cụ Ch có lập Tờ di chúc tại Văn phòng công chứng Lê Trung H – huyện (nay là thị xã) TB, để lại tổng số tài sản của cụ Ch cho bà T.

Năm 2022 cụ Ch chết, bà T đến Văn phòng công chứng Lê Trung H để làm thủ tục sang tên, tách thửa Quyền sử dụng đất theo di chúc của cụ Ch để lại nhưng các anh chị em gồm: ông Ch, ông S và bà X ngăn cản, không đồng ý.

Do đó, bà T yêu cầu:

- Công nhận di chúc ngày 27/12/2021 có hiệu lực pháp luật, chia di sản thừa kế theo di chúc và nhận di sản đối với tài sản là đất của cụ Lê Thị Ch ½ diện tích 7.306m^2 = 3.653m^2 thuộc thửa đất số 552; ½ diện tích 885,7m^2 = 442,85m^2 thuộc thửa đất số 81; ½ diện tích đất 20.678m^2 = 10.339m^2 thuộc thửa đất số 271;

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Q để lại ¼ diện tích đất 3.653m^2 thuộc thửa số 552 = 913,25m^2; ¼ đất và tài sản trên diện tích đất 442,85m^2 thuộc thửa đất số 81 = 110,7125m^2; ¼ diện tích đất 10.339m^2 thuộc thửa đất số 271 = là 2.584,75m^2;

- Yêu cầu nhận tất cả các phần diện tích đất trên bằng hiện vật.

- Đồng ý để cho các đồng thừa kế ông Ch, ông S và bà X được nhận ¼ di sản của cụ Nguyễn Văn Q để lại cụ thể:

+ Phần ông Ch được nhận từ cụ Q và cụ Ch: Thửa 552 – là 913,25m^2, thửa 81 - là 110,7125m^2 và thửa 271 - là 2.584,75m^2 ;

+ Phần ông S được nhận từ cụ Q và cụ Ch: Thửa 552 – là 913,25m^2, thửa 81 - là 110,7125m^2 và thửa 271 - là 2.584,75m^2 ;

+ Phần bà X được nhận từ cụ Q và cụ Ch: Thửa 552 – là 913,25m^2, thửa 81 - là 110,7125m^2 và thửa 271 - là 2.584,75m^2;

- Yêu cầu được nhận hiện vật toàn bộ diện tích 7.306 m^2 đất và hoàn trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế gồm: Ông Ch, ông S và bà X tương ứng với giá trị mà các bên đã thống nhất theo giá đã thỏa thuận tại Tòa án là 150.000 đồng/m^2. Giá trị chênh lệch mỗi người được nhận là: 913,25m^2 x 150.000 đồng = 136.987.500 đồng *(Một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng).*

- Đối với diện tích đất tại thửa số: 81, tờ bản đồ số: 24, tọa lạc tại ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, thị xã TB, tỉnh AG do có nhà ở, công trình kiến trúc khác, cây trồng và khu mộ trên đất nên cũng không thể tách thửa chia bằng hiện vật. Bà T yêu cầu được nhận hiện vật là toàn bộ diện tích 885,7m^2 đất và nhà ở, cây cối trên đất, công trình kiến trúc trên đất và sẽ hoàn trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế gồm: Ông Ch, ông S và bà X tương ứng với giá trị mà hội đồng định giá đã định, cụ thể như sau:

+ Đất thổ cư: 50.000 đồng/m^2 x 800m^2 = 40.000.000 đồng;

+ Đất trồng cây lâu năm: 36.000 đồng/m^2 x 85,7m^2 = 3.085.200 đồng;

+ Cây trồng: 51.120.000 đồng;

+ Nhà: 106.995.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là nhà, đất, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất: 201.200.200 đồng.

Hiện anh Nguyễn Trí Th1 đang sinh sống trong căn nhà gắn liền với đất, bà T vẫn tiếp tục cho anh Th1 sinh sống đến khi nào anh không còn nhu cầu tiếp tục ở nữa; hoặc nếu có phát sinh tranh chấp thì bà T sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X đồng trình bày:

Ông, bà không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của bà T, không đồng ý với Tờ di chúc ngày 27/12/2021 và văn bản khai nhận di sản theo tờ di chúc ngày 27/12/2021 của bà T, yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc ngày 27/12/2021 và Văn bản khai nhận di sản theo di chúc ngày 27/12/2021 vô hiệu; yêu cầu chia di sản của cụ Ch và cụ Q theo quy định của pháp luật, các ông, bà Ch, S, X được nhận mỗi người ¼ khối tài sản chung của cụ Q và cụ Ch gồm:

Thửa đất số: 522, tờ bản đồ số: 42, diện tích: 7.306 m^2 loại đất Ln, tọa lạc tại xã Văn G, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 717516, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02208 do UBND huyện TB cấp ngày 24/4/2015)

Thửa đất số: 271, tờ bản đồ số: 37; diện tích 20.678 m^2, tọa lạc tại xã Nhơn H, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh AG cấp ngày 10/5/2019)

Tương ứng được tính cụ thể kỷ phần của mỗi người như sau: ¼ diện tích đất 20.678m^2 = 5.169,5m^2 , ¼ diện tích đất 7.306m^2 = 1.826,5m^2;

Đối với phần đất diện tích thuộc thửa đất số: 81, tờ bản đồ số: 24; diện tích 885,7 m^2; tọa lạc tại ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0510cK do UBND huyện TB cấp ngày 19/9/2005) có nhà mồ mã, nhà cửa trên đất là nhà phủ thờ nên các ông bà yêu cầu để lại làm phủ thờ cúng ông bà, không chia;

Ngoài ra, các ông, bà có ý kiến nếu như Tòa án chia theo yêu cầu của bà T đối với những tài sản không chia được bằng hiện vật thì có yêu cầu nhận bằng giá trị theo giá đã thỏa thuận và giá đã định của Hội đồng định giá tài sản.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Trí Th1 có lời khai: anh là cháu nội của cụ Q và cụ Ch, anh sinh sống cùng hai cụ từ nhỏ tới lớn. Khi hai cụ còn sống có di nguyện hứa cho anh 01 căn nhà tình nghĩa năm 2012, kết cấu: tường xi măng, nền lát gạch men, mái lợp thiếc, cửa sắt, có mái tiền chế, có chiều ngang khoảng 7m^2, chiều dài khoảng 30m^2 nằm trong tổng diện tích đất 875.9m^2, thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 24, tọa lạc ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, thị xã TB, tỉnh AG (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0510Ck do Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) TB cấp ngày 19/9/2005). Hiện căn nhà trên do anh đang quản lý, sử dụng vào mục đích ở. Tại thời điểm hai cụ nói cho thì cho anh bằng miệng, không có lập văn bản nhưng có thành viên trong gia đình biết được việc này. Về phần diện tích đất 20.678m^2, thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Nhơn H, thị xã TBi, tỉnh AG thì ông, bà nội có nói chia ra làm 05 phần gồm: ông S, ông Ch, bà X, bà T và tôi (Nguyễn Trí Th1) mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Về phần diện tích đất 7.306m^2, thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 42, mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Văn G, thị xã TB, tỉnh AG do bà Lê Thị Ch đứng tên sử dụng, lúc cụ Ch còn sống có hứa cho anh phần đất này nhưng bà T có xin được làm ruộng 03 năm (từ năm 2021 đến 2024) để có tiền cất nhà và hứa sẽ giao lại cho anh được hưởng phần đất trên, việc hứa cho tài sản bằng miệng, không có lập văn bản, có ông S, ông Ch, bà X và bà T chứng kiến và nghe cụ Ch nói. Anh không có yêu cầu độc lập đối với vụ án, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Văn phòng Công chứng Lê Trung H có văn bản trình bày: cụ Lê Thị Ch sinh năm 1949, CMND số 350581900, thường trú: ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, huyện (nay thị xã) TB, tỉnh AG có đến Văn phòng Công chứng Lê Trung H để yêu cầu thực hiện việc công chứng di chúc để lại tài sản cho bà Nguyễn Thị T sinh năm 1984, CCCD số: 089184001223, cấp ngày 27/3/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, thường trú: tổ 1, ấp Đây Cà H, xã Văn G, huyện (nay thị xã) TB, tỉnh AG. Việc lập di chúc được Văn phòng Công chứng Lê Trung H chứng nhận theo TỜ DI CHÚC ngày 27/12/2021 số công chứng 17 – quyển 01 TP/CC-SCC-DC. Cụ Lê Thị Ch tự đến Văn phòng Công chứng Lê Trung H để yêu cầu thực hiện và nội dung di chúc thể hiện theo ý chí của bà, do bà tự nguyện xác lập không có bất kỳ sự o ép hay tác động nào khác từ

bên ngoài; đồng thời tại thời điểm thực hiện thủ tục công chứng di chúc thì bà Ch có đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần minh mẫn, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Văn phòng Công chứng Lê Trung H xác định TỜ DI CHÚC do cụ Lê Thị Ch xác lập được Văn phòng Công chứng Lê Trung H chứng nhận ngày 27/12/2021 số công chứng 17 - quyển 01 TP/CC-SCC-DC là thực hiện đúng quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 15A/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh AG (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – AG) tuyên xử:

Công nhận hiệu lực của TỜ DI CHÚC ngày 27/12/2021 số công chứng 17 – quyển 01 TP/CC-SCC-DC của Văn phòng công chứng Lê Trung Hậu,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Ch theo di chúc và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Q theo pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Liễu Ch, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X về việc tuyên bố TỜ DI CHÚC ngày 27/12/2021 và Văn bản khai nhận di sản theo di chúc ngày 27/12/2021 vô hiệu.

Việc phân chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Ch và Nguyễn Văn Q như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị T:

+ Đất diện tích 875,9m^2 (đo đạc thực tế 885,7 m^2) theo các điểm số 15, 19, 22, 23, 24, 27, 8, 7, 6, 1, 11, 10, 13, 14 về 15, tọa lạc tại ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, thị xã TB, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0510cK do UBND huyện TB cấp ngày 19/9/2005 cho cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị Ch). Trên đất có: Nhà A diện tích 67,7m^2 theo các điểm 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35 về 29; Mái che tiền chế diện tích 32,3m^2 theo các điểm 34, 36, 37, 31, 32, 33 về 34; Khu mộ diện tích 30,3m^2 theo các điểm 39, 40, 41, 42 về 39; Cây trồng gồm: 16 cây dừa, 02 cây thốt nốt, 02 cây me chua, 01 cây me nước; Nhà B diện tích 151,1m^2 theo các điểm 35, 38, 23, 25, 24, 28, 29 về 35 *(Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 20/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB)*

+ Đất diện tích 7.306 m^2 theo các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 22 về 1 thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 42, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Văn Giáo, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 717516, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02208 do UBND huyện TB cấp ngày 24/4/2015 cho cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị Ch) *(Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB)*

+ Đất diện tích 12.923,75m^2 gồm thửa Tạm 1 và thửa Tạm 2 theo các điểm 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17 về 9 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn H, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh AG cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Q và Lê Thị Ch) (*Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB)*

- Chia cho ông Nguyễn Liễu Ch:

+ Đất diện tích 2.584,75m^2 thửa Tạm 3 theo các điểm 8, 9, 17, 18, về 8 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn H, thị xã TB, tỉnh AG (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh AG cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Q và Lê Thị Ch) *(Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB)*

- Chia cho ông Nguyễn Văn S:

+ Đất diện tích 2.584,75m^2 thửa Tạm 4 theo các điểm 7, 8, 18, 19 về 7 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn H, thị xã TB, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh AG cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Q và Lê Thị Ch *(Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB)*

- Chia cho bà Nguyễn Thị Thanh X:

+ Đất diện tích 2.584,75m^2 thửa Tạm 5 theo các điểm 6, 7, 19, 1, 2, 3, 4, 5 về 6 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn Hưng, thị xã TB, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Quang và Lê Thị Ch) *(Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB)*

- Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Liễu Ch, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X mỗi người ¼ giá trị tài sản của căn nhà diện tích 67,7 m^2; mái Ch tiền chế diện tích 32,3 m^2 cùng giá trị các cây trồng trên đất, gồm: 16 cây dừa, 02 cây Thốt Nốt, 02 cây me, 01 cây me nước (thửa số 81) và giá trị QSDĐ diện tích 931,25 m^2 (thửa số 522) theo giá được các bên thỏa thuận và kết luận định giá cụ thể như sau:

+ Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Liễu Ch số tiền 181.901.900 đồng,

+ Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 181.901.900 đồng,

+ Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 181.901.900 đồng.

- Công nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh X: Bà Nguyễn Thị T hoàn trả giá trị công trình kiến trúc Nhà B theo các điểm 35, 38, 23, 25, 24, 28, 29 về 35 diện tích xây dựng 151,1m^2 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 20/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh TB) cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 150.000.000 đồng. Bà T được quyền sử dụng công trình kiến trúc Nhà B theo các điểm 35, 38, 23, 25, 24, 28, 29 về 35 diện tích xây dựng 151,1m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng,và quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, ông Ch, ông S, bà X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 15A/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh AG (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – AG) không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh AG căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử : không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chấp, ông S, bà X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15A/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh AG (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – AG)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các ông C, ông S, bà X nộp đơn kháng cáo phúc thẩm trong thời hạn luật định; có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

Ông Nguyễn Liễu Ch khi cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, ông C khai cung cấp tên họ chữ lót Nguyễn Liễu C, tại phiên tòa phúc thẩm sau khi kiểm tra căn cước, định danh cá nhân thì tên Nguyễn Văn C, và được đại diện nguyên đơn và các đương sự trong vụ án xác nhận ông Nguyễn Liễu C và ông Nguyễn Văn C là một người.

[2] Xét kháng cáo của các đồng bị đơn ông C, ông S, bà X có cùng nội dung là yêu cầu sửa bản án sơ thẩm 15A/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh An Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang) không C nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

Cụ Nguyễn Văn Quang mất 2021 và cụ Lê Thị Ch mất 2022, có 04 người con: Nguyễn Văn (Liễu) C, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị T.

Các đương sự thống nhất di sản cụ Q, cụ Ch để lại gồm 3 thửa đất: Thửa đất số 522, diện tích 7.306m^2, Thửa đất số 81, diện tích 875,9m^2 (đo đạc thực tế 885, 7m^2) và Thửa đất số 271, diện tích 20.678m^2. Cụ Q mất năm 2021 không để lại di chúc, cụ Ch mất năm 2022. Trước khi mất, cụ Ch có đến Văn phòng Công chứng Lê Trung Hậu để yêu cầu thực hiện việc công chứng để lại di sản cho bà T nên bà T yêu cầu công nhận di chúc ngày 27/12/2021 có hiệu lực pháp luật.

Xét việc lập di chúc của cụ Ch ngày 27/12/2021 được thực hiện đúng theo quy định. Do đó, việc cụ Ch được quyền định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất của mình là ½ trên tổng tài sản chung với cụ Q cho bà T là đúng quy định tại Điều 628 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo nội dung di chúc và Giấy khám sức khỏe ghi ngày 24/12/2021 tại Trung tâm y tế huyện (nay là thị xã) TB, kết quả khám lâm sàn về thần kinh và tâm thần của bà Lê Thị Ch xếp loại I cùng lời chứng thực của Công chứng viên thể hiện tại thời điểm lập

di chúc bà Ch có đủ năng lực hành vi dân sự, việc lập di chúc là tự nguyện. Ngoài ra, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên "Tờ di chúc ngày 27/12/2021" đủ điều kiện để có hiệu lực theo Điều 630, Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với ½ tài sản còn lại là di sản của cụ Q để lại, được chia đều cho cho 04 người con là bà T, ông C, ông S, bà X.

Di sản Thửa đất số 522, diện tích 7.306m^2 các đương sự thống nhất giá 150.000 đồng/m^2. Kỷ phần các thừa kế được nhận là: bà T được nhận 4.566,25m^2 (được nhận 3.653m^2 của cụ Ch và 913,25m^2 của cụ Q), ông S được nhận 913,25m^2, ông C được nhận 913,25m^2, bà X được nhận 913,25m^2. Căn cứ Điều 12 Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 13/10/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh AG quy định hạn mức đất ở diện tích tối thiểu được tách thửa đất trồng lúa tại xã là 1.000 m^2.

Do đó, bà T hoàn lại giá trị cho ông S, ông C và bà X mỗi người là 136.987.500 đồng (913,25m^2 x 150.000 đồng).

Di sản Thửa đất số 271, diện tích 20.678m^2 các đương sự thống nhất giá 100.000 đồng/m^2. Kỷ phần các thừa kế được nhận là: bà T được nhận diện tích 12.923,75m^2 (được hưởng 10.339m^2 của cụ Ch và 2584,75m^2 của cụ Quang), ông S được nhận 2584,75m^2, ông C được nhận 2584,75m^2, bà X được nhận 2584,75m^2.

Di sản Thửa đất số 81, diện tích 875,9m^2 (đo đạc thực tế 885,7m^2) trên phần đất này có:

- Khu mộ của cụ Q và cụ Ch, mái che tiền chế

- Căn nhà chính (do Nhà nước cấp nhà tình nghĩa)

- Hàng rào sắt trước cổng

- Căn nhà phụ B (do bà X xây dựng nhưng chưa thành hình. Và các cây trồng có trên đất.

Do bà T là người chăm sóc trực tiếp cho cụ Ch khi cụ Ch còn sống nên cấp sơ thẩm không chia bằng hiện vật được, do diện tích đất nhỏ không thể chia thành 4 phần và có mộ cụ Q và Cụ Ch mà giao toàn bộ cho bà T quản lý, sử dụng và hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác là phù hợp. Mặc khác hiện nay ông S, ông C, bà X đã được chia phần trước đây và có nhà ở ổn định, hiện nay trong nhà còn có anh Nguyễn Trí Thành là con ông S sống trong căn nhà cất trên phần đất này nhưng anh Thành không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến gì, bà T cũng không tranh C với anh Thành nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Theo biên bản định giá ngày 13 tháng 3 năm 2025 thì diện tích đất có giá trị là 43.085.200 đồng. Kỷ phần của mỗi thừa kế được nhận là: bà T được nhận 26.928.250 đồng (21.542.600 đồng của cụ Ch và 5.385.650 đồng của cụ Q) do giao cho bà T tiếp tục quản lý di sản nên bà T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông S, ông C, bà X mỗi người là 5.385.650 đồng.

Đối với nhà và cây trồng trên đất, cụ Ch không để lại di chúc cho bà T nên giá trị nhà và cây trồng là 158.115.000 đồng được chia cho 4 kỷ phần: bà T được nhận 39.528.750 đồng, bà T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông S, ông C, bà X mỗi người là 39.528.750 đồng. Giao cho bà T được quyền quản lý sử dụng thửa đất thửa đất số 81,

diện tích 875,9m^2 (đo đạc thực tế 885, 7m^2), nhà và các cây trồng trên đất, diện tích 12.923,75m^2 thuộc Thửa đất số 271, diện tích 7.306m^2 thuộc thửa số 522. Bà T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông S, ông C, bà X mỗi người số tiền 181.901.900 đồng (136.987.500 đồng + 39.528.750 đồng +5.385.650 đồng)

Ông S, ông C, bà X mỗi người được quyền quản lý, sử dụng diện tích 2584,75m^2 thuộc Thửa đất số 271, theo các điểm mốc đo tại bản vẽ hiện trạng đất tranh C ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng đất đai chi nhánh TB.

Công nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh X: bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng căn nhà B (trên thửa 81), hoàn trả giá trị cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 150.000.000 đồng.

Như nhận định trên cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng theo pháp luật. Ông S, ông C, bà X kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét giải quyết nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho ông S, ông C, bà X

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không C nhận kháng cáo của ông Nguyễn Liễu (Văn) C, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Thanh X; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15A/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh An Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang)

Căn cứ vào Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 92, Điều 102, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Công nhận hiệu lực của TỜ DI CHÚC ngày 27/12/2021 số công chứng 17 – quyển 01 TP/CC-SCC-DC của Văn phòng công chứng Lê Trung H,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Ch theo di chúc và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Q theo pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn (Liễu) C, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X về việc tuyên bố TỜ DI CHÚC ngày 27/12/2021 và Văn bản khai nhận di sản theo di chúc ngày 27/12/2021 vô hiệu.

Việc phân chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Ch và Nguyễn Văn Quang như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị T:

+ Đất diện tích 875,9m^2 (đo đạc thực tế 885,7 m^2) theo các điểm số 15, 19, 22, 23, 24, 27, 8, 7, 6, 1, 11, 10, 13, 14 về 15, tọa lạc tại ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, thị xã TB, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0510cK do UBND huyện TB cấp ngày 19/9/2005 cho cụ Nguyễn Văn Quang và cụ Nguyễn Thị Ch; Trên đất có: Nhà A diện tích 67,7m^2 theo các điểm 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35 về 29; Mái Ch tiền chế diện tích 32,3m^2 theo các điểm 34, 36, 37, 31, 32, 33 về 34; Khu mộ diện tích 30,3m^2 theo các điểm 39, 40, 41, 42 về 39; Cây trồng gồm: 16 cây dừa, 02 cây thốt nốt, 02 cây me chua, 01 cây me nước; Nhà B diện tích 151,1m^2 theo các điểm 35, 38, 23, 25, 24, 28, 29 về 35.

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 20/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB.

+ Đất diện tích 7.306 m^2 theo các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 22 về 1 thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 42, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Văn Giáo, thị xã TB, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 717516, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02208 do UBND huyện TB cấp ngày 24/4/2015 cho cụ Nguyễn Văn Quang và cụ Nguyễn Thị Ch.

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB.

+ Đất diện tích 12.923,75m^2 gồm thửa Tạm 1 và thửa Tạm 2 theo các điểm 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17 về 9 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn Hưng, thị xã TB, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Quang và Lê Thị Ch.

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB.

- Chia cho ông Nguyễn Văn (Liễu) C đất diện tích 2.584,75m^2 thửa Tạm 3 theo các điểm 8, 9, 17, 18, về 8 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn Hưng, thị xã TB, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Quang và Lê Thị Ch.

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB.

- Chia cho ông Nguyễn Văn S đất diện tích 2.584,75m^2 thửa Tạm 4 theo các điểm 7, 8, 18, 19 về 7 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn Hưng, thị xã TB, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Quang và Lê Thị Ch.

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Thanh X đất diện tích 2.584,75m^2 thửa Tạm 5 theo các điểm 6, 7, 19, 1, 2, 3, 4, 5 về 6 thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 37, loại đất Ln, tọa lạc tại xã Nhơn Hưng, thị xã TB, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 161934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 10/5/2019 cho cụ Nguyễn Văn Quang và Lê Thị Ch.

Theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 24/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh TB.

- Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn (Liễu) C, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X mỗi người ¼ giá trị tài sản của căn nhà diện tích 67,7 m^2; mái Ch tiền chế diện tích 32,3 m^2 cùng giá trị các cây trồng trên đất, gồm: 16 cây dừa, 02 cây Thốt Nốt, 02 cây me, 01 cây me nước (thửa số 81) và giá trị QSDĐ diện tích 931,25 m^2 (thửa số 522) theo giá được các bên thỏa thuận và kết luận định giá cụ thể như sau:

+ Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn (Liễu) C số tiền 181.901.900 đồng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 181.901.900 đồng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 181.901.900 đồng.

- Công nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh X: bà Nguyễn Thị T hoàn trả giá trị công trình kiến trúc Nhà B theo các điểm 35, 38, 23, 25, 24, 28, 29 về 35 diện tích xây dựng 151,1m^2 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 20/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh TB) cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 150.000.000 đồng, bà T được quyền sử dụng công trình kiến trúc Nhà B theo các điểm 35, 38, 23, 25, 24, 28, 29 về 35 diện tích xây dựng 151,1m^2.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng:

- Buộc ông Nguyễn Văn (Liễu) C phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.170.602 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn S phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.170.602 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.170.602 đồng.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 72.875.395 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.952.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010685 ngày 02/02/2024 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017584 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, bà T còn phải nộp thêm 50.623.395 đồng.

- Ông Nguyễn Văn (Liễu) C, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00010732 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB.

- Ông Nguyễn Văn (Liễu) C còn phải nộp 21.615.076 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn S còn phải nộp 21.615.076 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh X còn phải nộp 21.615.076 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn (Liễu) C, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Thanh X được miễn án phí phúc thẩm. Ông C, ông S, bà X được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo phiếu thu số 0017955 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB (Nay là Phòng THADS khu vực 14 – An Giang)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 14 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- Tòa dân sự;
- Phòng GĐ, KT, TT và THA;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ